

Số: /BC7N-CCTTBVT

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 17/7/2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: 23 - 28⁰C Cao nhất: 25 - 31⁰C Thấp nhất: 21 - 25⁰C
Độ ẩm trung bình: 83 - 93 % Cao nhất: 85 - 95 % Thấp nhất: 80 - 90 %

Khu vực các huyện phía Đông, Đông Bắc, Đông Nam: Nhiều mây, có mưa, mưa rào và dông. Khu vực các huyện phía Tây, Tây Bắc, Tây Nam: Nhiều mây, có mưa, mưa vừa, có nơi mưa to và dông. Khu vực thành phố Pleiku: Nhiều mây, có mưa, mưa vừa và dông. Các loại cây trồng sinh trưởng, phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa:

| Vụ | Trà | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo cấy (ha) | Diện tích thu hoạch (ha) |
|-------------|------------------|-----------------------|-------------------------|--------------------------|
| Vụ Mùa 2024 | Sớm | Mạ | 7.750 | |
| | Đại trà | Gieo sạ-Mạ | 25.997,6 | |
| | Tổng cộng | | 33.747,6 | |

b) Cây trồng khác:

| Nhóm/ loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) | Diện tích thu hoạch (ha) |
|-------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------------------|
| - Cây Ngô | Cây con | 27.672,6 | |
| - Cây sắn (Vụ Đx) | Phát triển củ | 10.581,4 | |
| - Cây sắn (TM vụ Mùa) | Cây con | 60.295,3 | |
| - Cây Khoai lang | Phát triển rễ | 2.497,7 | |
| - Cây Rau, dưa các loại | Các giai đoạn | 14.513,1 | |
| - Đậu các loại | Cây con | 12.898 | |
| - Cây mía (TM) | Cây con | 1.123,4 | |
| - Cây lạc | Gieo hạt- cây con | 1.844,6 | |

| | | | |
|---------------------|---------------------------|--|--|
| - Cây Cà phê | Chăm sóc, quả non | 100.609 (TM: 501; TC:1.734; CS: 8.279; KD: 90.095) | |
| - Cây Tiêu | Chăm sóc | 8.798 (TM:83; TC:48; KD: 7.901,7) | |
| - Cây Điều | Chăm sóc | 36.900 (TM: 114, TC: 66; CS:2.230; KD: 34.490,2) | |
| - Cây Cao su | Chăm sóc | 86.870 (TM:54; TC: 2.219; CS: 21.097; KD: 63.500) | |
| - Cây Chè | Chăm sóc | 527 | |
| - Cây hàng năm khác | Các giai đoạn sinh trưởng | 5.361,4 | |
| - Cây ăn quả | Chăm sóc | 32.045 | |
| | Trồng mới | 949,9 | |

3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai:

| Cây trồng bị ảnh hưởng | Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha) | | | | |
|---------------------------|--|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------|
| | Giảm NS 30-70% | Mất trắng (> 70%) | Đã gieo cây lại | Đã trồng cây khác | Đề đất trồng |
| | | | | | |
| | | | | | |

II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

| TT | Tên SVGH | Mật độ (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----------|---------------------------------------|--|------|--------|-----------------------------------|----------------------------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| I | Cây lúa: Gieo sạ, mạ, đẻ nhánh | | | | | |
| 1 | Bọ trĩ | 1,0 | 20,0 | | T1-T4 | Đăk Đoa, Kông Chro, Đăk Pơ... |
| 2 | Tuyến trùng hại rễ | 1,8 | 20,0 | | C1-C3 | Đăk Đoa, Đăk Pơ |
| 3 | Nghệt rễ | 2,0 | 30,0 | | C1-C3 | Đăk Đoa, Đăk Pơ |
| 4 | Bệnh đốm nâu | 4,7 | 35 | | C1-C5 | Mang Yang, Đứk Cơ... |
| II | Cây Rau: Các giai đoạn | | | | | |
| 1 | Ruồi đục quả (họ bầu bí) | 10,0 | 30,0 | | N-TT | Tp.Pleiku |
| 2 | Sâu tơ (họ thập tự) | 3,0 | 15,0 | | N-TT | Tp.Pleiku, Đăk Pơ |
| 3 | Bệnh thán thư (cây ớt) | 4,0 | 8,0 | | C1-C5 | An Khê, Đăk Pơ |

| | | | | | | | |
|-------------|--|-----|------|--|-------|--|--|
| III | Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ | | | | | | |
| 1 | Khảm lá virus | 1,0 | 26,7 | | C1-C7 | Krông Pa, Ayun Pa, Ia Pa, Phú Thiện | |
| IV | Cà phê: Chăm sóc, quả non | | | | | | |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | 2,5 | 27,1 | | C3-C5 | Chư Prông, Kbang, Đak Đoa, Chư Sê... | |
| 2 | Rệp sáp | 2,0 | 50,0 | | N-TT | Chư Sê, Đúc Cơ, Đak Đoa, Chư Puh, Chư Păh, Pleiku... | |
| 3 | Rệp vảy xanh, nâu | 2,0 | 50,0 | | N-TT | Chư Sê, Đúc Cơ, Đak Đoa, Chư Puh, Chư Păh, Pleiku. | |
| 4 | Bệnh khô cành | 2,0 | 50,0 | | C3-C5 | Chư Prông, Ia Grai, Chư Sê, Đak Đoa,... | |
| V | Cây Tiêu: Chăm sóc - Ra hoa | | | | | | |
| 1 | Bệnh chết chậm | 1,0 | 21,4 | | C1-C7 | Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa,. | |
| VI | Cây Mía: Đẻ nhánh | | | | | | |
| 1 | Xén tóc | 1,0 | 10,0 | | N-TT | Kbang, Đak Pơ, Phú Thiện, An Khê. | |
| 2 | Bọ hung | 1,0 | 2,0 | | N-TT | Đak Pơ, An Khê | |
| VII | Cây Điều: Chăm sóc | | | | | | |
| 1 | Bọ xít muỗi | 1,0 | 23,0 | | N-TT | Ia Grai, Krông Pa, Đúc Cơ | |
| 2 | Sâu đục thân, cành | 2,0 | 30,0 | | N-TT | Đúc Cơ, Ia Grai. | |
| VIII | Cây ăn quả | | | | | | |
| a | Cây sầu riêng: Chăm sóc, quả non, thu hoạch | | | | | | |
| 1 | Bệnh cháy lá, chết đọt | 2,0 | 20,0 | | C1-C3 | Chư Prông, Đúc Cơ... | |
| 2 | Rầy bông (rầy phấn) | 2,0 | 25,0 | | N-TT | Mang Yang, Đak Đoa | |
| b | Cây chanh dây: Chăm sóc, thu hoạch | | | | | | |
| 1 | Bệnh virus | 5,4 | 16,1 | | C1-C3 | Chư Prông | |
| 2 | Ruồi đục quả | 4,0 | 17,6 | | N-TT | Chư Prông, Đak Đoa | |

2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu

| TT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | | Tổng DTN (ha) | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|----------|---------------------------------------|----------------------|-----|------|-----|---------------|-------------------|------------------------|
| | | Nhẹ | TB | Nặng | MT | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| I | Cây lúa: Gieo sạ, mạ, đẻ nhánh | | | | | | | |
| 1 | Bọ trĩ | 250,5 | | | | 250,5 | 65 | Đak Pơ, Kbang, ... |
| 2 | Tuyến trùng hại rễ | 188 | 87 | | | 275 | 60,5 | Đak Đoa, Đak Pơ, ... |
| 3 | Nghẹt rễ | 149,5 | 01 | | | 150,5 | 4,0 | Đak Đoa, Đak Pơ, ... |
| 4 | Bệnh đốm nâu | 208,3 | 20 | | | 228,3 | 50 | Mang Yang, Đúc Cơ, ... |

| | | | | | | | | |
|-------------|--|---------|-------|------|--|---------|-------|--|
| II | Cây Rau: Các giai đoạn | | | | | | | |
| 1 | Ruồi đục quả (họ bầu bí) | 20 | | | | 20 | 08 | Tp.Pleiku |
| 2 | Sâu tơ (họ thập tự) | 70 | 45 | | | 115 | 94 | Tp.Pleiku, Đăk Pơ |
| 3 | Bệnh thán thư (cây ớt) | 85,2 | 40 | | | 125,2 | 70,2 | Tx.An Khê, Đăk Pơ |
| III | Cây Sắn: Phát triển thân, lá, củ | | | | | | | |
| 1 | Khảm lá virus | 308,2 | 48,6 | 9,6 | | 366,4 | - | Krông Pa, IaPa, Phú Thiên, Ayun Pa |
| IV | Cà phê: Chăm sóc, quả non | | | | | | | |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | 2.970,8 | | | | 2.970,8 | 473 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Kbang... |
| 2 | Rệp sáp | 3.058 | 204,5 | | | 3.262,5 | 1.680 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê... |
| 3 | Rệp vảy xanh, nâu | 840,3 | 143,7 | | | 984 | 175 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê... |
| 4 | Bệnh khô cành | 2.725 | 247,5 | | | 2.972,5 | 593 | Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang... |
| V | Cây Tiêu: Chăm sóc | | | | | | | |
| 1 | Bệnh chết chậm | 355 | 306,3 | 92,3 | | 753,6 | 160 | Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa... |
| VI | Cây Mía: Đẻ nhánh, vuron lóng | | | | | | | |
| 1 | Xén tóc | 80 | | | | 80 | 28 | Kbang, Đăk Pơ... |
| 2 | Bọ hung | 26 | | | | 26 | 16 | Đăk Pơ, An Khê |
| VII | Cây Điều: Chăm sóc | | | | | | | |
| 1 | Bọ xít muỗi | 288,8 | 49,2 | | | 338 | 209 | Kông Chro, Krông Pa, Đúc Cơ... |
| 2 | Sâu đục thân, cành | 421 | 215,2 | | | 636,2 | 269 | Đúc Cơ, IaGrai. |
| VIII | Cây ăn quả | | | | | | | |
| 1 | Cây sầu riêng: Chăm sóc, quả non, thu hoạch | | | | | | | |
| a | Bệnh cháy lá, chết đọt | 28 | | | | 28 | 26 | Chư Prông, Đúc Cơ... |
| b | Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) | 04 | | | | 04 | 01 | Đak Đoa |
| 2 | Cây chanh dây: Chăm sóc, thu hoạch | | | | | | | |
| a | Bệnh virus | 05 | | | | 05 | - | Chư Prông |
| b | Ruồi đục quả | 13 | | | | 13 | 02 | Chư Prông, Đak Đoa |

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Bọ trĩ gây hại với TLH 1,0-20,0%, DTN 250,5 ha (nhẹ), gây hại tại huyện Đak Đoa, Kông Chro, .. tăng 57,5 ha so với kỳ trước; bệnh nghệt rễ gây hại với TLB 2,0-30,0%, DTN 150,5 ha (nhẹ 149,5 ha, trung bình 01 ha) gây hại tại huyện Ia Grai, Đak Đoa... tăng 15,5 ha so với kỳ trước; tuyến trùng rễ gây hại với TLB 1,8-20,0%, DTN 275 ha (nhẹ 188 ha, trung bình 87 ha) gây hại tại huyện Ia Grai, Đak Đoa... tăng 45 ha so với kỳ trước. Bệnh đốm nâu gây hại với TLB 4,7-35,0%, DTN 228,3 ha (nhẹ 208,3 ha, trung bình 20 ha) gây hại tại huyện Mang Yang, Đúc Cơ và thành phố Pleiku, tăng 09 ha so với kỳ trước. Các đối tượng sinh vật hại khác gây hại rải rác.

- **Trên cây rau:** Sâu tơ (*họ thập tự*), bệnh phấn trắng (*họ bầu bí*), bệnh thán thư (*cây ớt*) gây hại rải rác tại các vùng trồng rau.

- **Trên cây cà phê:** Bệnh gỉ sắt gây hại với TLB 2,5-27,1%, DNT 2.970,8 ha (nhẹ) gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai, Tp.Pleiku... giảm 03 ha so với kỳ trước. Rệp sáp gây hại với TLH 2,0-50,0%, DTN 3.262,5 ha (nhẹ 3.058 ha, trung bình 204,5 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Mang Yang, Chư Sê, Ia Grai... giảm 266 ha so với kỳ trước. Rệp vảy xanh, nâu gây hại với TLH 2,0-50,0%, DTN 984 ha (nhẹ 840,3 ha, trung bình 143,7 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Mang Yang, Chư Sê, Ia Grai... giảm 38,1 ha so với kỳ trước. Bệnh khô cành gây hại với TLB 2,0-50,0%, DTN 2.972,5 ha (nhẹ 2.725 ha, trung bình 247,5 ha) gây hại tại huyện Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang... giảm 27,2 ha so với kỳ trước. Các đối tượng khác gây hại rải rác.

- **Trên cây tiêu:** Bệnh vàng lá chết chậm gây hại với TLB 1,0-21,40%, DTN 753,6 ha (nhẹ 355ha, trung bình 303,6 ha, nặng 92,3 ha), tăng 14 ha so với kỳ trước, tăng 17,6 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Mang Yang, Chư Puh, Chư Sê, Đức Cơ, Chư Păh, Đak Đoa, Chư Prông và thành phố Pleiku.

- **Trên cây mía:** Xén tóc gây hại với TLH 1,0-10,0%, DTN 80 ha (nhẹ), tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Phú Thiện, K'bang, Đak Pơ; Bọ hung gây hại với TLH 1,0-2,0%, DTN 26 ha (nhẹ) tương đương so với kỳ trước, gây hại tại huyện Đak Pơ và thị xã An Khê; bệnh trắng lá mía gây hại rải rác.

- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus gây hại với TLB 1,0-26,7%, DTN 366,4 ha (nhẹ 308,2 ha, trung bình 48,6 ha, nặng 9,6 ha), tăng 104,9 ha so với kỳ trước, giảm 1.032,4 ha so với cùng kỳ năm trước, gây hại tại huyện Krông Pa 217,4 ha, Ia Pa 120 ha, Phú Thiện 10 ha và thị xã Ayun Pa 19 ha.

- **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi gây hại với TLH 1,0-23%, DTN 338 ha (nhẹ 288,8 ha, trung bình 49,2 ha), gây hại tại huyện Kông Chro, Krông Pa, Đức Cơ... tăng 9,4 ha so với kỳ trước. Sâu đục thân, cành gây hại với TLH 2,0-30,0%, DTN 636,2 ha (nhẹ 421 ha, trung bình 215,2 ha), gây hại tại Đức Cơ, IaGrai... giảm 2,4 ha so với kỳ trước.

- Trên cây ăn quả:

+ Cây sầu riêng: Bệnh cháy lá, chết đọt gây hại với TLB 2,0-20,0% DTN 28,0 ha (nhẹ), gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, giảm 24 ha so với kỳ trước. Rầy bông (rầy phấn, tua trắng) gây hại với TLH 2,0-25,0% DTN 04 ha (nhẹ), gây hại tại huyện Chư Prông, Đức Cơ, giảm 24 ha so với kỳ trước.

+ Cây chanh dây: Bệnh virus gây hại với TLH 5,4-16,1% DTN 05ha, gây hại tại huyện Chư Prông, tương đương so với kỳ trước. Ruồi đục quả gây hại với TLH 4,0-17,6% DTN 13 ha, gây hại tại huyện Chư Prông, Đak Đoa, tương đương so với kỳ trước.

- **Cây trồng khác:** Sâu bệnh gây hại rải rác; diện tích và mật độ sâu bệnh hại thấp, mức độ gây hại không đáng kể.

III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Trên lúa trà sớm: Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đốm nâu, chuột tiếp tục gây hại. Trên lúa trà chính vụ và trà muộn: Bọ trĩ, tuyến trùng rễ, bệnh nghệt rễ, ốc brou vàng... tiếp tục gây hại.

- **Trên cây rau:** Các đối tượng sâu bệnh xuất hiện và gây hại rải rác và tăng nhẹ trên những diện tích nhiễm từ trước.

- **Trên cây cà phê:** Rệp các loại gây hại giảm do thời tiết mưa nhiều. Bệnh gỉ sắt, khô cành tiếp tục gây hại trên những diện tích nhiễm từ trước. Bệnh nấm hồng phát sinh gây hại. Một đục cành, sâu đục thân, thán thư gây hại rải rác trên cà phê KTCB. Hiện tượng rụng quả sinh lý gia tăng gây hại ở những vườn chăm sóc kém, rệp sáp, rệp vảy gây hại nặng.

- **Trên cây tiêu:** Bệnh héo chết nhanh, vàng lá chết chậm tiếp tục gây hại trên những diện tích đã nhiễm. Rệp sáp cành, gốc, tuyến trùng rễ, bọ xít tiếp tục gây hại.

- **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi, sâu đục thân cành, sâu đục rệp lá... tiếp tục gây hại trên những diện tích đang ra lá, đọt non.

- **Trên cây mía:** Bọ hung, xén tóc tiếp tục gây hại trên diện tích đã bị nhiễm. Bệnh trắng lá mía xuất hiện gây hại rải rác.

- **Trên cây sắn:** Bệnh khảm lá virus hại sắn tiếp tục gây hại trên các diện tích đã nhiễm.

- **Trên cây ăn quả:** Nhện đỏ, rầy rệp các loại... gây hại trên cây sầu riêng; ruồi đục quả, bệnh virus, gây hại trên cây chanh dây; bệnh vàng lá gân xanh, bọ trĩ... gây hại trên cây có múi.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Nhằm giảm thiểu thiệt hại do sâu bệnh gây ra trong thời gian tới, các địa phương cần triển khai thực hiện các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng tại các văn bản hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Văn bản số 1354/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 19/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng trong vụ Mùa và cả năm 2024; Văn bản số 3171/SNNPTNT-TTBVTV ngày 10/8/2022 về việc hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trên một số cây trồng có tiềm năng xuất khẩu; Văn bản số 545/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 22/8/2022 về việc hướng dẫn kỹ thuật quản lý tổng hợp bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rễ và bệnh Tristeza gây hại trên cây trồng có múi; Văn bản số 625/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 21/9/2022 về việc điều tra, nắm bắt và báo cáo số liệu sâu bệnh gây hại cây ăn quả trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 418/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 30/5/2023 về việc hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây chanh dây trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 476/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 15/6/2023 về hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu đầu đen gây hại cây dứa trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 526/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 30/6/2023 về việc phát triển sản xuất sản bền vững và phòng trừ bệnh khảm lá virus hại sắn trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 106/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 31/01/2024 về việc hướng dẫn phòng trừ bọ phấn trắng gây hại cây thuốc lá; Văn bản số 194/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 07/3/2024 về việc cảnh báo tình hình rệp sáp gây hại cà phê và biện pháp chỉ đạo phòng trừ trong thời gian tới; Văn bản số 538/CCTTBVTV-BVTV&KDTV ngày 25/6/2024 về việc tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh hại trên một số cây trồng chủ lực trong mùa mưa năm 2024. Cụ thể như sau:

- **Trên cây lúa vụ Mùa 2024:** Tuyên truyền, vận động nông dân áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp

(*IPHM*), thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (*GAP*). Bón phân đúng thời kỳ, đầy đủ, cân đối N, P, K, không bón quá nhiều lượng phân đạm. Thường xuyên theo dõi diễn biến của một số đối tượng sâu bệnh có thể phát sinh gây hại mạnh theo các giai đoạn phát triển của cây lúa như: chuột, ốc bươu vàng,, sâu đục thân, bệnh đạo ôn.

- **Trên cây rau các loại:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, quy trình sản xuất rau hữu cơ; ưu tiên sử dụng thuốc trừ sâu có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, chỉ sử dụng thuốc trong danh mục cho rau và đảm bảo đúng thời gian cách ly theo hướng dẫn trên bao bì.

- **Trên cây cà phê:** Hướng dẫn nông dân cắt cành, tạo tán, tạo độ thông thoáng cho cây, vệ sinh đồng ruộng sạch sẽ, thu gom những cành bị sâu bệnh ra khỏi vườn để tiêu hủy nhằm giảm nguồn tích lũy gây hại. Thường xuyên kiểm tra vườn cây, theo dõi sự phát sinh gây hại của rệp sáp để chủ động phòng trừ. Tưới nước kết hợp với bón phân mùa khô giúp cây sinh trưởng phát triển tốt. Đối với cà phê trồng mới, KTCB thường xuyên thăm vườn để quản lý, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời.

Những vườn bị nhiễm rệp sáp; rệp vảy xanh, nâu: Đối với vườn mật độ thấp có thể sử dụng các loại thuốc sinh học như: Nhóm *Abamectin* (Queson 5.0EC, Reasgant 3.6EC, Tungatin 3.6EC...), *Nấm tím* (*Paecilomyces*), *Nấm trắng* (*Beauveria*), *Nấm Xanh* (*Metarhizium*)...; đối với vườn mật độ cao nên sử dụng các loại thuốc hóa học có hoạt chất sau: *Alpha-Cypermethrin* (Alfacua10EC, Fastac 5EC, FM-Tox 25EC...) *Acetamiprid* (Advice 3EC, Ascend 200SP, Mospilan 3EC...), *Buprofezin* (Apolo 25WP, Map-Judo 25WP, Partin 25WP...) phun theo nồng độ hướng dẫn trên nhãn bao bì để phun, phun đủ lượng nước thuốc và phun kỹ vào những cây, cành, chùm quả bị rệp gây hại; chú ý nên phun cục bộ cây bị nhiễm. Bón phân đầy đủ cho cây sinh trưởng phát triển tốt. Đối với bệnh gỉ sắt phun cục bộ những cây bị nhiễm bằng các thuốc có hoạt chất như *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Difenoconazole* (Amistar Top 325SC, Ara-super 350SC, Mix Perfect 525SC...). Những vườn cà phê rụng quả do bệnh thán thư gây ra (*Collectotrichum coffeanum*): Hướng dẫn người dân xử lý sớm, kịp thời bằng các loại thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất: *Hexaconazole* (Annongvin 50SC, Acanvinsuper 55SC, Anvil 5SC...), *Metalaxyl + Mancozeb* (Met-Helmer 72WP, Manmetpul 58WP...) pha theo nồng độ khuyến cáo của nhà sản xuất; nếu bệnh nặng phun kép 02 lần, cách nhau 7-10 ngày.

- Trên cây tiêu:

+ Cắt tỉa cành tăm, cành sâu bệnh, cành sát mặt đất làm cho vườn tiêu thông thoáng hạn chế sự tiêu hao dinh dưỡng và phát sinh gây hại của sâu bệnh. Vun cao gốc tiêu để tránh ngập úng. Đối với những vườn có độ dốc thấp dưới 10^0 , đất bằng phẳng phải thiết kế mương thoát nước trong mùa mưa.

+ Đối với vườn tiêu đang phát triển xanh tốt chưa có biểu hiện triệu chứng bệnh hoặc bệnh nhẹ: Áp dụng các biện pháp canh tác tổng hợp bền vững theo hướng hữu cơ sinh học, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật sinh học chứa nấm đối kháng như: *Trichoderma*, *Pseudomonas*, *Streptomyces*, *Bacillus*, *Metarhizium*... và các hoạt chất sinh học như: *Abamectin*, *Paecilomyces*, *Matrine*...

+ Đối với vườn tiêu đã bị nhiễm tuyến trùng, nấm bệnh nhưng còn khả năng phục hồi: Lá vàng, rụng lá, rụng đốt nhưng dưới 50% so với cây bình thường; rễ có nốt sưng, rễ

to bị hại nhưng rễ chính vẫn còn sống; khi xử lý thuốc kết hợp thuốc trừ tuyến trùng + nấm bệnh, sau 15-20 ngày dùng thuốc kích thích ra rễ giúp cây phục hồi bộ rễ. Đối với tuyến trùng dùng thuốc có hoạt chất: *Carbosulfan* (Vifu-super 5GR, Amitage 200EC...), *Fosthiazate* (Nemathorin 10GR, Quota 10GR, Sagofort 10GR...). Đối với nấm bệnh dùng hoạt chất: *Dimethomorph* (Insuran 50WG, Phytocide 50 WP, Suzan 500WP...), *Mancozeb* (Vimancoz 80WP, Manozeb 80WP...), *Mancozeb + Metalaxyl* (Ridomil Gold 68WP, Mexyl MZ 72WP...). Đối với các thuốc kích thích bộ rễ, hòa tan trong nước, sục xung quanh gốc cách gốc 30-35cm, sâu 35-40cm, sục từ 8-12 lỗ với lượng nước thuốc 4-5lít/gốc. Nồng độ pha theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Trên cây mía:

+ Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện và kịp thời tổ chức tiêu hủy nguồn bệnh trắng lá mía trên đồng ruộng.

+ Đối với xén tóc: Thường xuyên kiểm tra trên các diện tích đã bị nhiễm xén tóc, những ruộng mía có mật độ trên 2 con/gốc tiến hành xử lý ngay bằng thuốc sinh học có gốc *Metarhizium*, tiến hành cày rãnh sau đó rải thuốc và lấp đất lại; liều lượng dùng 3-4 kg/ha. Dùng bẫy đèn để bắt trưởng thành khi vũ hóa rộ vào tháng 8-9 khi có những đợt mưa lớn.

+ Đối với những ruộng mía đang bị bọ hung gây hại: Làm cỏ, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư cây mía (gốc, lá già) đem tiêu hủy. Dùng một trong các loại thuốc trừ bọ hung có hoạt chất như *Emamectin benzoate*, *Chlorpyrifos methyl*... bón vào hai bên gốc mía, sau đó vun thành luống. Có thể sử dụng biện pháp thủ công tập trung bắt bọ hung non và trưởng thành đem tiêu hủy, đây là biện pháp mang lại hiệu quả phòng trừ cao, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Trên cây sắn:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh khảm lá virus hại sắn do Cục Bảo vệ thực vật ban hành tại Văn bản số 1605/BVTV-TV ngày 21/7/2017; Quy trình canh tác sắn bền vững, Quy trình sản xuất giống sắn sạch bệnh khảm lá do Cục Trồng trọt ban hành tại Văn bản số 622/TT-CLT ngày 29/5/2019.

+ Sử dụng nguồn giống sắn sạch bệnh, giống sắn ít bị nhiễm bệnh như KM94, giống kháng bệnh; hạn chế việc trao đổi, mua bán giống không rõ nguồn gốc, giống bị nhiễm bệnh nặng như HL-S11. Khuyến cáo người dân trồng giống sắn HN5, là giống sắn có năng suất khá cao, kháng bệnh khảm lá virus (*giống HN5 đã được Viện Di truyền Nông nghiệp công bố lưu hành tại các tỉnh Tây Nguyên từ ngày 23/11/2023*).

+ Bón phân cân đối, phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây, giúp cây sắn sinh trưởng phát triển thuận lợi, tăng khả năng kháng bệnh khảm lá sắn.

- **Trên cây điều:** Tăng cường kiểm tra đồng ruộng nếu thấy bọ xít muỗi xuất hiện và gây hại tiến hành sử dụng các hoạt chất như *Citrus oil*, *Permethrin* để phòng trừ. Phòng trừ bọ xít muỗi hại điều theo Văn bản số 453/BVTV-QLSVGHR ngày 15/3/2017 của Cục Bảo vệ thực vật về việc ban hành Quy trình kỹ thuật quản lý bọ xít muỗi và bệnh thán thư hại điều.

- **Trên các loại cây ăn quả:** Thường xuyên thăm vườn, theo dõi tình hình SVGH để có biện pháp xử lý kịp thời; hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại trên cây chanh dây tại Văn

bản số 480/TT-CCN ngày 10/4/2024 của Cục Trồng trọt về việc sở tay hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo VietGAP cho một số cây ăn quả chủ lực.

-Trên cây chanh dây, áp dụng đồng bộ các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng cây giống tốt, có nguồn gốc rõ ràng, không bị nhiễm virus. Đối với nhóm bệnh virus và côn trùng môi giới (*rệp muội, bọ phấn, bọ trĩ*): Treo bẫy dính vàng để dự tính, dự báo sớm sự xuất hiện của các môi giới truyền virus, có thể trùm lưới để bảo vệ cây con khỏi các côn trùng gây hại, đặc biệt là các môi giới truyền virus hoặc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa các hoạt chất: *Emamectin benzoate (Map Winner 5WG)*... để phòng trừ môi giới truyền virus.

-Trên cây sầu riêng: Đối với các đối tượng thuộc nhóm chích hút như: Nhện đỏ, rệp sáp, rầy phấn, bọ trĩ... xuất hiện và gây hại mạnh vào mùa nắng nóng, tấn công và gây hại lá non, đọt non, hoa và quả non. Đây là nhóm côn trùng dễ kháng thuốc, có thể sử dụng các loại thuốc có hoạt chất: *Spirotetramat (Movento 150OD)*... để phòng trừ; luân phiên các nhóm thuốc để tránh hiện tượng kháng thuốc; bảo đảm thời gian cách ly, an toàn cho người tiêu dùng.

Đề nghị Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật gây hại và công tác chỉ đạo, hướng dẫn ở UBND cấp xã; tổ chức kiểm tra thực tế tình hình sinh vật gây hại trên đồng ruộng; kịp thời phối hợp, hỗ trợ UBND cấp xã chỉ đạo phòng chống hiệu quả, ngăn chặn kịp thời, tránh để lây lan. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc báo cáo kịp thời về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (điện thoại 0269.3872360) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Cục Trồng trọt (b/c);
- Cục Bảo vệ thực vật (b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV Miền Trung (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Các Phó Chi cục trưởng;
- Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Chi cục;
- Lưu: VT, BVTV & KDTV.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Hoàng Thi Thơ

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

(Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 17/7/2024)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | | Tổng DTN (ha) | So sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
|------------|-------------------|----------------------|-------|------|-----|---------------|-------------------|----------|-------------------|--|
| | | Nhẹ | TB | Nặng | MT | | Kỳ trước | CKNT | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| I | Cây Cà phê | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | 2.970,8 | | | | 2.970,8 | -03 | -11,2 | 473 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, IaGrai, Đức Cơ... |
| 2 | Rệp sáp | 3.058 | 204,5 | | | 3.262,5 | -266 | +821,9 | 1.680 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ... |
| 3 | Rệp vảy xanh, nâu | 840,3 | 143,7 | | | 984 | -38,1 | +650,2 | 175 | Chư Prông, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Sê, ... |
| 4 | Bệnh khô cành | 2.725 | 247,5 | | | 2.972,5 | -27,2 | -110,3 | 593 | Chư Prông, Ia Grai, Mang Yang, Chư Păh,... |
| II | Cây Tiêu | | | | | | | | | |
| 1 | Bệnh chết chậm | 355 | 303,6 | 92,3 | | 753,6 | +14 | +17,6 | 160 | Chư Prông, Mang Yang, Đak Đoa,... |
| III | Cây Sắn | | | | | | | | | |
| 1 | Khảm lá virus | 308,2 | 48,6 | 9,6 | | 366,4 | +104,9 | -1.032,4 | - | Krông Pa, Ia Pa, Ayun Pa, Phú Thiện |